| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6 –VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: **55**/2026/QĐST-HNGĐ | *Vĩnh Long, ngày 13 tháng 02 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÓA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2026/TLST – VHNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Thị P thành hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre, ngày 20/12/1996 (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông bà nhìn nhận không thể chung sống với nhau được nữa nên tự nguyện làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa ông H và bà P không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc thuận tình ly hôn của ông H và bà P là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: ông H và bà P có 03 người con chung tên Đoàn Thị Huế M, sinh ngày 24/8/1996, Đoàn Thị Huế H1, sinh ngày 08/8/1992 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết và cháu Đoàn Thị Huế A, sinh ngày 21/6/2014. Sau khi ly hôn, ông H và bà P thoả thuận ông H trực tiếp nuôi người con tên Đoàn Thị Huế A, bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Đoàn Thị Huế A.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: ông H và bà P thống nhất tài sản chung và nợ chung không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Thị P thuận tình ly hôn, không cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: ông H và bà P có 03 người con chung tên Đoàn Thị Huế M, sinh ngày 24/8/1996, Đoàn Thị Huế H1, sinh ngày 08/8/1992 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết và cháu Đoàn Thị Huế A, sinh ngày 21/6/2014. Sau khi ly hôn, ông H và bà P thoả thuận ông H trực tiếp nuôi người con tên Đoàn Thị Huế A, bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Đoàn Thị Huế A.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: ông H và bà P trình bày không có.

- Về nợ chung: ông H và bà P trình bày không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Thị P mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng)

nhưng được khấu trừ vào tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002483 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long
(Phòng GĐ, TT, KT và THA) (1b);
- VKSND khu vực 6-Vĩnh Long (2b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND xã C, tỉnh Vĩnh Long, (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Tuyết Nga**